

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2024

Số: 120/TM-BVTH

THƯ MỜI
Về việc mời cung cấp báo giá thuốc
Gói số 2: Gói thầu thuốc biệt dược gốc

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh dược phẩm tại Việt Nam

Bệnh viện Thận Hà Nội (bệnh viện) có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc cho Nhà thuốc bệnh viện năm 2024-2025. Bệnh viện kính mời các Công ty có đủ năng lực, kinh nghiệm báo giá thuốc với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị mời cung cấp báo giá

1. Tên đơn vị: Bệnh viện Thận Hà Nội

Địa chỉ: Số 70, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Dược sĩ Lê Thị Tâm, nhân viên Khoa dược, SĐT: 039 7544 094

Email: bvthnkhoaduoc@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp qua Văn thư, Phòng Hành chính-Tổ chức, Bệnh viện Thận Hà Nội, Số 70, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Tất cả tài liệu gửi trực tiếp được đóng trong bao bì, bên ngoài ghi rõ: "Báo giá thuốc cho Nhà thuốc bệnh viện năm 2024-2025" và ghi đầy đủ thông tin bên gửi, bên nhận.

- Nhận báo giá qua email: bvthn@hanoi.gov.vn

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 08 tháng 8 năm 2024 đến trước 14 giờ ngày 19 tháng 8 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thuốc yêu cầu báo giá: *Chi tiết tại Phụ lục 1*

2. Bảng báo giá: *Theo mẫu tại Phụ lục 2*

3. Các thông tin khác:

- Yêu cầu báo giá bao gồm toàn bộ chi phí, kể cả chi phí dự phòng, phí, lệ phí và thuế theo quy định của pháp luật

- Báo giá: Yêu cầu bản gốc, ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức danh của người đại diện hợp pháp.

- Hồ sơ báo giá bao gồm:

+ Bảng báo giá: *Theo mẫu tại Phụ lục 2*

+ Quyết định trúng thầu/hợp đồng cung cấp thuốc tương tự cho các cơ sở y tế đã ký trong vòng 12 tháng tính từ ngày ký báo giá trở về trước (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để bc)
- Lưu VT, HSDT.



PHÓ GIÁM ĐỐC



PHỤ LỤC 1
DANH MỤC THUỐC YÊU CẦU BẢO GIÁ
GÓI SỐ 2: GÓI THẦU THUỐC BIỆT ĐƯỢC GỐC

(Kèm theo Thư mời bảo giá số: 120/TM-BVTH ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Bệnh viện Thận Hà Nội)

TT	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	Etoricoxib	Arcoxia 90mg hoặc tương đương	90mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1.100
2	Calcitonin cá hồi tổng hợp	Miacalcic hoặc tương đương	50IU/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	1.000
3	Fexofenadin HCl	Telfast HD hoặc tương đương	180mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5.200
4	Pregabalin	Lyrica hoặc tương đương	75mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	1.100
5	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	Augmentin 625mg tablets hoặc tương đương	500mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5.000
6	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin hydrochloride)	Dalacin C hoặc tương đương	300mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	2.100
7	Fosfomycin calcium hydrate 500mg (potency)	Fosmicin tablets 500 hoặc tương đương	500mg	Uống	Viên nén	Viên	7.200
8	Mycophenolate mofetil	Cellcept hoặc tương đương	250mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	2.000
9	Dutasteride	Avodart hoặc tương đương	0,5mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	11.000
10	Tamsulosin Hydroclorid	Harnal Ocas 0,4mg hoặc tương đương	0,4mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích chậm	Viên	2.500
11	Epoetin alfa	Eporex 2000U hoặc tương đương	2000 IU/0,5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	3.000
12	Trimetazidine dihydrochloride	Vastarel MR hoặc tương đương	35mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	Viên	1.000
13	Ivabradin (dưới dạng Ivabradin hydrochloride) 7,5mg	Procoralan 7,5mg hoặc tương đương	7,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1.100
14	Fenofibrat (dưới dạng fenofibrate nanoparticles)	LIPANTHYL NT 145mg hoặc tương đương	145mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2.100
15	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	Crestor 10mg hoặc tương đương	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5.500
16	Drotaverin clohydrat	No-spa Forte hoặc tương đương	80mg	Uống	Viên nén	Viên	21.000
17	Hyoscin butylbromid	Buscopan hoặc tương đương	10mg	Uống	Viên nén bao đường	Viên	1.500



✍

TT	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
18	Methyl prednisolon	Medrol hoặc tương đương	4mg	Uống	Viên nén	Viên	22.000
19	Methyl prednisolon	Medrol hoặc tương đương	16mg	Uống	Viên nén	Viên	21.000
20	Gliclazide	Diamicron MR 60mg hoặc tương đương	60mg	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Viên	1.000
21	Saxagliptin; Metformin Hydrochlorid	Komboglyze XR hoặc tương đương	5mg; 1000mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1.000
22	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphat monohydrat) 50mg	Januvia 50mg hoặc tương đương	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1.000
23	Desmopressin (dưới dạng Desmopressin acetat)	Minirin hoặc tương đương	0,089mg (0,1mg)	Uống	Viên nén	Viên	2.100
24	Ciclosporin	Sandimmun Neoral 25mg hoặc tương đương	25mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	500
25	Acid (RS)-3-methyl-2-oxovaleric (α -ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci 67,0 mg; Acid 4-methyl-2-oxovaleric (α -ketoanalogue to leucin), muối calci 101,0 mg; Acid 2-oxo-3-phenylpropionic (α -ketoanalogue to phenylalanin), muối calci 68,0 mg; Acid 3-methyl-2-oxobutyric (α -ketoanalogue to valin), muối calci 86,0 mg; Acid (RS)-2-hydroxy-4-methylthio-butyric (α -hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci 59,0 mg; L-lysin acetat (tương đương với 75 mg L-lysin) 105,00 mg; L-threonin 53,0 mg; L-tryptophan 23,0 mg; L-histidin 38,0 mg; L-tyrosin 30,0 mg	Ketosteril hoặc tương đương	Acid (RS)-3-methyl-2-oxovaleric (α -ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci 67,0 mg; Acid 4-methyl-2-oxovaleric (α -ketoanalogue to leucin), muối calci 101,0 mg; Acid 2-oxo-3-phenylpropionic (α -ketoanalogue to phenylalanin), muối calci 68,0 mg; Acid 3-methyl-2-oxobutyric (α -ketoanalogue to valin), muối calci 86,0 mg; Acid (RS)-2-hydroxy-4-methylthio-butyric (α -hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci 59,0 mg; L-lysin acetat (tương đương với 75 mg L-lysin) 105,00 mg; L-threonin 53,0 mg; L-tryptophan 23,0 mg; L-histidin 38,0 mg; L-tyrosin 30,0 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	150.000
26	Dutasteride ; Tamsulosin hydrochloride	Duodart hoặc tương đương	0,5mg+0,4mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	5.000
27	Mirabegron	Betmiga 50 mg hoặc tương đương	50mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	2.500
28	Febuxostat	Feburic 80mg hoặc tương đương	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5.500
29	Tadalafil	Cialis hoặc tương đương	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	200
30	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat)	Viagra hoặc tương đương	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	16

Tổng số: 30 khoản

✍

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 120 /TM-BVTH ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Bệnh viện Thận Hà Nội)

TÊN CÔNG TY:

Địa chỉ:

Điện thoại liên hệ:



Kính gửi: Bệnh viện Thận Hà Nội

Địa chỉ: Số 70, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Căn cứ Thư mời báo giá số /TM-BVTH ngày tháng năm 2024 của Bệnh viện Thận Hà Nội, Công ty xin báo giá các thuốc sau:

BẢNG BÁO GIÁ

STT	TT/TT20	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký hoặc Giấy phép nhập khẩu	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Giá kê khai/kê khai lại mới nhất		Nhóm TCKT
														Giá	Ngày/tháng/năm	
1																
1																
2																
....																
Tổng cộng																

Giá trên đã bao gồm toàn bộ chi phí, kể cả chi phí dự phòng, phí, lệ phí và thuế theo quy định của pháp luật
Bảo giá có hiệu lực.....kể từ ngày.....
Các tài liệu gửi kèm (nếu có)

....., ngày.....tháng.....năm 2024
Đại diện hợp pháp của công ty
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)